

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 6 - 2019

"*V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Ân.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Thành.

2. Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Mỹ N1**, sinh năm: 1992 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng Phương N2**, sinh năm: 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã H, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 24-9-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ N1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N1 và anh N2 do tự quen biết và được sự đồng ý của 02 bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh C vào ngày 19-12-2014.

Sau ngày cưới anh chị sống tự lập riêng tại Thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 05-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường

xuyên cạy, tính tình không còn phù hợp nhau. Chị N1 và anh N2 đã sống ly thân từ tháng 08-2017 cho đến nay.

Nay chị N1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài nên chị N1 yêu cầu được ly hôn với anh N2.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 14 tháng 05 năm 2015. Cháu K đang sống chung với chị N1. Sau khi ly hôn chị N1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh N2 cấp dưỡng nuôi cháu K.

- Về tài sản chung: Chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Hoàng Phương N2 đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh N2 không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có lời trình bày.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị N1 và anh N2 đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N1 được ly hôn với anh N2.

Về con chung: Chị N1 và anh N2 có 01 con chung tên Nguyễn Bảo K, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2015. Cháu K đang sống chung với chị N1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu K cho chị N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N1 không yêu cầu cấp dưỡng nên anh N2 phải cấp dưỡng nuôi cháu K.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N1 không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị N1 phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

* *Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:*

- Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh (bản sao).

- Bị đơn đã nộp: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Chị N1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh N2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

- Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh N2.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N1 và anh N2 do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau vào ngày 19 tháng 12 năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo chị N1 trình bày thì sau khi kết hôn chị và anh N2 chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 05-2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ tháng 08-2017 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 11-03-2019 thì ông Nguyễn Ngọc P là cha ruột của anh N2 xác nhận vào cuối năm 2016 thì chị N1 và anh N2 đã không còn sống chung với nhau nguyên nhân là do chị N1 và anh N2 có cự cãi với nhau về tiền bạc trong gia đình.

Xét thấy, chị N1 và anh N2 đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân, anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ, đã cho thấy hôn nhân giữa chị N1 và anh N2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Chị N1 và anh N2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2015. Cháu K đang sống chung với chị N1. Ông Nguyễn Ngọc P là cha của anh N2 cũng xác nhận cháu K đang sống chung với chị N1.

Xét thấy, hiện tại cháu K đang sống chung với chị N1 và cháu đang phát triển rất tốt. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho cháu K cần tiếp tục giao cháu K cho chị N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị N1 không yêu cầu anh N2 cấp dưỡng nuôi cháu K nên anh N2 không phải cấp dưỡng nuôi cháu K.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị N1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Mỹ N1.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Mỹ N1 được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Phương N2.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2015 cho chị Nguyễn Mỹ N1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Hoàng Phương N2 không phải cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Bảo K.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc chị Nguyễn Mỹ N1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^o 0009414 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Mỹ N1 đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Hoàng Phương N2 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T, h. Đ, t. C;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Trần Văn Ân